

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Tên đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): **0108432911**

Địa chỉ (Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: (A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế (Tax code): **0309391503**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản (A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
2	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
3	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	2	113.113,00	8%	226.226,00	18.098,08	244.324,08
4	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
5	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	2	52.815,00	8%	105.630,00	8.450,40	114.080,40
6	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
7	NT FOODS_Giò lụa 500g	G	3	89.312,00	8%	267.936,00	21.434,88	289.370,88
8	NT FOODS_Giò tai nạm hương 500g	G	3	96.890,00	8%	290.670,00	23.253,60	313.923,60
9	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	2	69.759,00	8%	139.518,00	11.161,44	150.679,44
10	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	6	105.505,00	8%	633.030,00	50.642,40	683.672,40
11	NT FOODS_Giò lụa 500g	G	2	89.312,00	8%	178.624,00	14.289,92	192.913,92
12	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	3	52.815,00	8%	158.445,00	12.675,60	171.120,60
13	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
14	NT FOODS_Giò tai lưỡi xào 250g	G	5	47.673,00	8%	238.365,00	19.069,20	257.434,20
15	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	1	69.759,00	8%	69.759,00	5.580,72	75.339,72
16	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
17	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	2	113.113,00	8%	226.226,00	18.098,08	244.324,08
18	NT FOODS_Giò lụa 500g	G	2	89.312,00	8%	178.624,00	14.289,92	192.913,92
19	NT FOODS_Giò tai nạm hương 500g	G	2	96.890,00	8%	193.780,00	15.502,40	209.282,40
20	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	1	113.113,00	8%	113.113,00	9.049,04	122.162,04
21	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08

Chuyen sang trang sau

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn>

Mã tra cứu: 738E323AD9FFD132

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE- Phân phối bởi Công ty CP DVVT & In Bưu Điện - MST: 0100687474- SĐT : 02485876555)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Tên đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): **0108432911**

Địa chỉ (Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: (A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế (Tax code): **0309391503**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản (A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
22	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	3	52.815,00	8%	158.445,00	12.675,60	171.120,60
23	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
24	NT FOODS_Giò lụa 500g	G	1	89.312,00	8%	89.312,00	7.144,96	96.456,96
25	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	1	113.113,00	8%	113.113,00	9.049,04	122.162,04
26	NT FOODS_Giò tai nạm hương 500g	G	1	96.890,00	8%	96.890,00	7.751,20	104.641,20
27	NT FOODS_Giò tai lưỡi xào 250g	G	4	47.673,00	8%	190.692,00	15.255,36	205.947,36
28	NT FOODS_Mộc nạm hương 250g	G	2	43.700,00	8%	87.400,00	6.992,00	94.392,00
29	NT FOODS_Giò tai nạm hương 500g	G	2	96.890,00	8%	193.780,00	15.502,40	209.282,40
30	NT FOODS_Giò tai lưỡi xào 250g	G	1	47.673,00	8%	47.673,00	3.813,84	51.486,84
31	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08
32	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	5	52.815,00	8%	264.075,00	21.126,00	285.201,00
33	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	1	113.113,00	8%	113.113,00	9.049,04	122.162,04
34	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
35	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	4	106.026,00	8%	424.104,00	33.928,32	458.032,32
36	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	5	69.759,00	8%	348.795,00	27.903,60	376.698,60
37	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	5	52.815,00	8%	264.075,00	21.126,00	285.201,00
38	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
39	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	8	105.505,00	8%	844.040,00	67.523,20	911.563,20
40	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
41	NT FOODS_Giò tai lưỡi xào 250g	G	3	47.673,00	8%	143.019,00	11.441,52	154.460,52
42	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	2	113.113,00	8%	226.226,00	18.098,08	244.324,08

Chuyen sang trang sau

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn>

Mã tra cứu: 738E323AD9FFD132

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE- Phân phối bởi Công ty CP DVVT & In Bưu Điện - MST: 0100687474- SĐT : 02485876555)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Tên đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): **0108432911**

Địa chỉ (Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: (A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế (Tax code): **0309391503**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản (A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
43	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
44	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	6	52.815,00	8%	316.890,00	25.351,20	342.241,20
45	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	2	47.673,00	8%	95.346,00	7.627,68	102.973,68
46	NT FOODS_Giò tai nấm hương 500g	G	3	96.890,00	8%	290.670,00	23.253,60	313.923,60
47	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	84.404,00	8%	84.404,00	6.752,32	91.156,32
48	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	2	47.673,00	8%	95.346,00	7.627,68	102.973,68
49	NT FOODS_Mộc nấm hương 250g	G	2	43.700,00	8%	87.400,00	6.992,00	94.392,00
50	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	3	47.673,00	8%	143.019,00	11.441,52	154.460,52
51	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	105.505,00	8%	105.505,00	8.440,40	113.945,40
52	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	2	47.673,00	8%	95.346,00	7.627,68	102.973,68
53	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	10	106.026,00	8%	1.060.260,00	84.820,80	1.145.080,80
54	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	5	69.759,00	8%	348.795,00	27.903,60	376.698,60
55	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
56	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	1	47.673,00	8%	47.673,00	3.813,84	51.486,84
57	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	2	52.815,00	8%	105.630,00	8.450,40	114.080,40
58	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
59	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08
60	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	4	47.673,00	8%	190.692,00	15.255,36	205.947,36
61	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	1	40.523,00	8%	40.523,00	3.241,84	43.764,84
62	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	4	106.026,00	8%	424.104,00	33.928,32	458.032,32
63	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	5	69.759,00	8%	348.795,00	27.903,60	376.698,60
64	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	1	69.759,00	8%	69.759,00	5.580,72	75.339,72
65	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	2	52.815,00	8%	105.630,00	8.450,40	114.080,40

Chuyen sang trang sau

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn>

Mã tra cứu: 738E323AD9FFD132

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE- Phân phối bởi Công ty CP DVVT & In Bưu Điện - MST: 0100687474- SĐT : 02485876555)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Tên đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): **0108432911**

Địa chỉ (Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: (A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế (Tax code): **0309391503**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản (A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
66	NT FOODS_Mộc nấm hương 250g	G	3	43.700,00	8%	131.100,00	10.488,00	141.588,00
67	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	1	84.404,00	8%	84.404,00	6.752,32	91.156,32
68	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08
69	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
70	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	4	106.026,00	8%	424.104,00	33.928,32	458.032,32
71	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	5	47.673,00	8%	238.365,00	19.069,20	257.434,20
72	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	3	69.759,00	8%	209.277,00	16.742,16	226.019,16
73	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	2	106.026,00	8%	212.052,00	16.964,16	229.016,16
74	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08
75	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	2	113.113,00	8%	226.226,00	18.098,08	244.324,08
76	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	3	52.815,00	8%	158.445,00	12.675,60	171.120,60
77	NT FOODS_Tai heo muối 400g	G	3	101.845,00	8%	305.535,00	24.442,80	329.977,80
78	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
79	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	3	47.673,00	8%	143.019,00	11.441,52	154.460,52
80	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	4	52.815,00	8%	211.260,00	16.900,80	228.160,80
81	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	2	105.505,00	8%	211.010,00	16.880,80	227.890,80
82	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	8	47.673,00	8%	381.384,00	30.510,72	411.894,72
83	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	1	40.523,00	8%	40.523,00	3.241,84	43.764,84
84	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	1	69.759,00	8%	69.759,00	5.580,72	75.339,72
85	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	1	52.815,00	8%	52.815,00	4.225,20	57.040,20
86	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	4	47.673,00	8%	190.692,00	15.255,36	205.947,36
87	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	6	105.505,00	8%	633.030,00	50.642,40	683.672,40
88	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	2	47.673,00	8%	95.346,00	7.627,68	102.973,68

Chuyen sang trang sau

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuhoadon.minvoice.vn>

Mã tra cứu: 738E323AD9FFD132

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE- Phân phối bởi Công ty CP DVVT & In Bưu Điện - MST: 0100687474- SĐT : 02485876555)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày(date) 29 tháng(month) 04 năm(year) 2025

Tên đơn vị bán(Seller): CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Mã số thuế(Tax code): 0108432911

Địa chỉ(Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản(A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua(Buyer):

Tên đơn vị(Company's name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Mã số thuế(Tax code): 0309391503

Địa chỉ(Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản(A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán(Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
89	NT FOODS_Tai heo muối 200g	G	3	52.815,00	8%	158.445,00	12.675,60	171.120,60
90	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	1	69.759,00	8%	69.759,00	5.580,72	75.339,72
91	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	6	105.505,00	8%	633.030,00	50.642,40	683.672,40
92	NT FOODS_Chân giò heo muối 300g	KH	3	69.759,00	8%	209.277,00	16.742,16	226.019,16
93	NT FOODS_Chân giò heo muối 500g	G	1	113.113,00	8%	113.113,00	9.049,04	122.162,04
94	NT FOODS_Giò tai lười xào 250g	G	2	40.523,00	8%	81.046,00	6.483,68	87.529,68
95	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	3	105.505,00	8%	316.515,00	25.321,20	341.836,20
96	NT FOODS_Gà hấp xì dầu 500g	G	1	106.026,00	8%	106.026,00	8.482,08	114.508,08
97	NT FOODS_Gà muối 500g	KH	5	105.505,00	8%	527.525,00	42.202,00	569.727,00

Chuyen sang trang sau

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.vn>

Mã tra cứu: 738E323AD9FFD132

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE- Phân phối bởi Công ty CP DVVT & In Bưu Điện - MST: 0100687474- SĐT : 02485876555)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu(Serial): 1K25TVP

Số(No): 2431

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày (date) 29 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Tên đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code): **0108432911**

Địa chỉ (Address): Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: (A/C number)

Tại Ngân hàng:

Số giao dịch: 13

Kho: [TTChung.kho]

Tên người mua (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Mã số thuế (Tax code): **0309391503**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 7, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản (A/C number):

Tại Ngân hàng:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount)
1	2	3	4	5	6	7 = 4x5	8 = 6x7	9 = 7+8
Tổng hợp		Thuế suất	Trị giá trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Trị giá thanh toán	
Hàng hóa không chịu thuế GTGT		\						
Hàng hoá không kê khai nộp thuế		KKKNT						
Hàng hóa chịu thuế suất		0%						
Hàng hóa chịu thuế suất		5%						
Hàng hóa chịu thuế suất		8%	20.086.532,00		1.606.922,56		21.693.454,56	
Hàng hóa chịu thuế suất		10%						
Tổng cộng tiền thanh toán			20.086.532		1.606.923		21.693.455	

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Vaild

CÔNG TY TNHH BÁN LẺ
FUJIMART VIỆT NAM

Ngày ký: 12/05/2025 08:05:18